

PHỤ LỤC KÈM THEO GIẤY MỜI LÀM VIỆC THÔN CẨM BÀO

STT	SỐ TỜ BẢN ĐỒ	TỜ 3 CẤP	SỐ THỨ TỰ THỬA	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	DIỆN TÍCH	CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT	THÔN CŨ
1	29	19	4	ODT+CLN	1516,5	Ông(Bà): Lê Văn Đoàn	TDP 7
2	49	39	203	CLN	979,2	Ông(Bà): Nguyễn Thị Han	TDP 5
3	49	39	185	CLN	73,6	Ông(Bà): Hoàng Thị Xuân	TDP 5
4	48	38	34	CLN	528,1	Ông(Bà): Lê Văn Duy	TDP 5
5	47	37	104	CLN	46,6	Ông(Bà): Trần Ngọc Lâm	TDP 3
6	44	34	121	ONT	288,1	Hộ gia đình	TDP 5
7	44	34	127	ONT	324,0	Hộ gia đình	TDP 5
8	44	34	24	CLN	35,9	Ông(Bà): Nguyễn Xuân Thuận	TDP 5
9	44	34	125	ONT	288,0	Hộ gia đình	TDP 5
10	44	34	122	ONT	288,0	Hộ gia đình	TDP 5
11	44	34	123	ONT	288,0	Hộ gia đình	TDP 5
12	44	34	120	ONT	242,8	Hộ gia đình	TDP 5
13	44	34	126	ONT	288,0	Hộ gia đình	TDP 5
14	43	33	442	ONT	271,4	Hộ gia đình	TDP 5
15	43	33	371	ODT+CLN	230,9	Lê Văn Minh	TDP 5
16	43	33	424	ONT+CLN	240,7	Lê Minh Điền	TDP 5
17	43	33	128	CLN	113,4	Ông(Bà): Trần Thị Chúc	TDP 5
18	43	33	370	ODT+CLN	746,7	Lê Văn Minh	TDP 5
19	43	33	156	NTS	929,9	Ông(Bà): Trần Viết Hào	TDP 5
20	43	33	5	LUC	1402,5	Ông(Bà): Trần Văn Khánh	TDP 5
21	43	33	423	ONT+CLN	258,6	Lê Minh Điền	TDP 5
22	43	33	372	ODT+CLN	248,2	Lê Văn Minh	TDP 5
23	43	33	346	ODT	359,8	Đậu Bá Thuận	TDP 5
24	43	33	3	LUC	1350,3	Ông(Bà): Đặng Thị Sứu	TDP 5
25	43	33	188	DVH	1114,5	Nhà văn hóa thôn 5	TDP 5
26	43	33	422	ONT+CLN	1087,2	Ông(Bà): Trần Văn Ân	TDP 5
27	22	12	737	LUC	1292,9	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
28	22	12	712	LUC	449,1	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5

29	22	12	695	LUC	341,7	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
30	22	12	577	LUC	858,6	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
31	22	12	679	LUC	519,9	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
32	22	12	663	LUC	605,8	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
33	22	12	653	LUC	681,3	Ông(Bà): Lê Thị Cưu	Thôn 5
34	22	12	715	LUC	212,0	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
35	22	12	690	LUC	471,8	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
36	22	12	589	LUC	752,1	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
37	22	12	604	LUC	643,9	Ông(Bà): Lê Chấn	Thôn 5
38	22	12	698	LUC	410,7	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
39	22	12	583	LUC	737,9	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
40	22	12	573	LUC	380,4	Ông(Bà): Lê Thị Cưu	Thôn 5
41	21	11	162	LUC	595,4	Ông(Bà): Lê Thị Cưu	Thôn 5
42	21	11	45	LUC	374,1	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
43	21	11	183	LUC	743,8	Ông(Bà): Hoàng Xuân Diệu	Thôn 5
44	21	11	131	LUC	275,2	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
45	21	11	121	LUC	261,2	Ông(Bà): Lê Thị Cưu	Thôn 5
46	21	11	96	LUC	1143,5	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	Thôn 5
47	21	11	64	LUC	864,1	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
48	21	11	62	LUC	540,1	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
49	21	11	179	LUC	841,4	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
50	21	11	123	LUC	193,9	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
51	21	11	53	LUC	795,7	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	Thôn 5
52	21	11	99	LUC	572,0	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
53	21	11	77	LUC	233,7	Ông(Bà): Lê Thị Thuần	Thôn 5
54	21	11	43	LUC	888,6	Ông(Bà): Trần Đông	Thôn 5
55	21	11	175	LUC	1085,0	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
56	21	11	44	LUC	500,4	Ông(Bà): Lê Hữu Khoa	Thôn 5
57	21	11	33	LUC	977,3	Ông(Bà): Lê Dẫn	Thôn 5
58	21	11	12	LUC	238,5	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
59	17	7	407	LUC	931,8	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	Thôn 5

60	17	7	345	LUC	566,0	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
61	17	7	292	LUC	1477,4	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	Thôn 5
62	17	7	280	LUC	1197,9	Ông(Bà): Lê Thị Lương	Thôn 5
63	17	7	242	LUC	1186,3	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
64	17	7	207	LUC	1376,2	Ông(Bà): Lê Xuân Tụ	Thôn 5
65	17	7	172	LUC	1469,5	Ông(Bà): Trần Hữu Thuần	Thôn 5
66	17	7	160	LUC	1392,2	Ông(Bà): Trần Thị Bình	Thôn 5
67	17	7	121	LUC	537,1	Ông(Bà): Trần Hoàng	Thôn 5
68	17	7	324	LUC	1574,9	Ông(Bà): Nguyễn Văn Thế	Thôn 5
69	17	7	298	LUC	825,2	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
70	17	7	183	LUC	535,5	Ông(Bà): Nguyễn Văn Thế	Thôn 5
71	17	7	104	LUC	1098,2	Ông(Bà): Trần Hữu Cồn	Thôn 5
72	17	7	94	LUC	621,0	Ông(Bà): Trần Hoàng	Thôn 5
73	17	7	83	LUC	498,8	Ông(Bà): Trần Hoàng Hoan	Thôn 5
74	17	7	76	LUC	1156,8	Ông(Bà): Trần Hoàng Tiến	Thôn 5
75	17	7	224	LUC	1252,1	Ông(Bà): Vương Khả Hải	Thôn 5
76	17	7	210	LUC	856,2	Ông(Bà): Lê Hữu Diêu	Thôn 5
77	17	7	209	LUC	706,3	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
78	17	7	173	LUC	1062,3	Ông(Bà): Lê Báú	Thôn 5
79	17	7	55	LUC	788,5	Ông(Bà): Trần Văn Oánh	Thôn 5
80	17	7	414	LUC	831,3	Ông(Bà): Vắng Chủ	Thôn 5
81	17	7	358	LUC	854,0	Ông(Bà): Lê Hữu Niên	Thôn 5
82	17	7	325	LUC	517,1	Ông(Bà): Trần Văn Kiêu	Thôn 5
83	17	7	214	LUC	1332,8	Ông(Bà): Phan Thế Đại	Thôn 5
84	17	7	194	LUC	1414,0	Ông(Bà): Nguyễn Thị Xuân	Thôn 5
85	17	7	168	LUC	606,3	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	Thôn 5
86	17	7	155	LUC	154,9	Ông(Bà): Nguyễn Thị Nguyên	Thôn 5
87	17	7	140	LUC	477,1	Ông(Bà): Trần Hoàng	Thôn 5
88	17	7	103	LUC	883,3	Ông(Bà): Nguyễn Thị Xuân	Thôn 5
89	17	7	54	LUC	1404,7	Ông(Bà): Lê Xuân Linh	Thôn 5
90	17	7	30	LUC	468,2	Ông(Bà): Phan Văn Khoa	Thôn 5

91	17	7	255	LUC	1240,1	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
92	17	7	230	LUC	809,9	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
93	17	7	80	LUC	824,7	Ông(Bà): Trần Hoàng Hoan	Thôn 5
94	17	7	46	LUC	760,4	Ông(Bà): Lê Quốc Hiệp	Thôn 5
95	17	7	353	LUC	562,8	Ông(Bà): Lê Văn Đường	Thôn 5
96	17	7	195	LUC	1910,6	Ông(Bà): Nguyễn Văn Huyền	Thôn 5
97	17	7	161	LUC	1289,9	Ông(Bà): Trần Hữu Huy	Thôn 5
98	17	7	136	LUC	856,7	Ông(Bà): Vương Khả Hải	Thôn 5
99	17	7	355	LUC	635,2	Ông(Bà): Hoàng Văn Tiệu	Thôn 5
100	17	7	310	LUC	527,0	Ông(Bà): Lê Thị Cưu	Thôn 5
101	17	7	39	LUC	1534,1	Ông(Bà): Trần Xuân Sy	Thôn 5
102	17	7	174	LUC	1537,9	Ông(Bà): Trần Văn Bưu	Thôn 5
103	17	7	149	LUC	1506,4	Ông(Bà): Trần Hữu Huy	Thôn 5
104	17	7	134	LUC	2193,8	Ông(Bà): Phan Thế Kính	Thôn 5
105	17	7	57	LUC	532,2	Ông(Bà): Lê Xuân Nhân	Thôn 5
106	17	7	203	LUC	726,9	Ông(Bà): Trần Đông	Thôn 5
107	17	7	171	LUC	2202,1	Ông(Bà): Phan Thế Chính	Thôn 5
108	17	7	117	LUC	1186,9	Ông(Bà): Trần Hữu Cồn	Thôn 5
109	17	7	50	LUC	590,3	Ông(Bà): Lê Thị Thuần	Thôn 5
110	17	7	205	LUC	1263,4	Ông(Bà): Phan Thế Đại	Thôn 5
111	17	7	119	LUC	816,8	Ông(Bà): Hoàng Công Ngự	Thôn 5
112	17	7	63	LUC	1588,0	Ông(Bà): Lê Văn Linh	Thôn 5
113	17	7	53	LUC	737,0	Ông(Bà): Trần Hoàng Chung	Thôn 5
114	17	7	44	LUC	2603,5	Ông(Bà): Hoàng Thị Hứa	Thôn 5
115	16	6	778	LUC	236,3	Ông(Bà): Hoàng Bắc	Thôn 5
116	16	6	745	LUC	475,9	Ông(Bà): Trần Đình Chiến	Thôn 5
117	16	6	737	LUC	842,8	Ông(Bà): Nguyễn Tiến Ngoan	Thôn 5
118	16	6	734	LUC	368,3	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	Thôn 5
119	16	6	729	LUC	557,2	Ông(Bà): Trần Đình Chiến	Thôn 5
120	16	6	709	LUC	923,0	Ông(Bà): Hoàng Bắc	Thôn 5
121	16	6	665	LUC	692,1	Ông(Bà): Hoàng Văn Ứng	Thôn 5

122	16	6	638	LUC	699,3	Ông(Bà): Thái Văn Quang	Thôn 5
123	16	6	629	LUC	530,4	Ông(Bà): Phan Văn Khoa	Thôn 5
124	16	6	625	LUC	280,7	Ông(Bà): Hoàng Văn Ứng	Thôn 5
125	16	6	597	LUC	884,6	Ông(Bà): Nguyễn Văn Hải	Thôn 5
126	16	6	595	LUC	1558,3	Ông(Bà): Hoàng Công Ngự	Thôn 5
127	16	6	565	LUC	1400,2	Ông(Bà): Lê Xuân Linh	Thôn 5
128	16	6	561	LUC	981,6	Ông(Bà): Nguyễn Thị Liên	Thôn 5
129	16	6	558	LUC	393,2	Ông(Bà): Nguyễn Tiến Ngoan	Thôn 5
130	16	6	796	LUC	624,8	Ông(Bà): Hoàng Bắc	Thôn 5
131	16	6	755	LUC	875,2	Ông(Bà): Lê Hữu Ứng	Thôn 5
132	16	6	517	LUC	695,2	Ông(Bà): Hoàng Văn Hưởng	Thôn 5
133	16	6	502	LUC	472,3	Ông(Bà): Lê Xuân Linh	thôn 5
134	16	6	462	LUC	285,5	Ông(Bà): Hoàng Văn Đôm	thôn 5
135	16	6	445	LUC	665,0	Ông(Bà): Trần Hoàng	thôn 5
136	16	6	441	LUC	543,1	Ông(Bà): Hoàng Văn Đôm	thôn 5
137	16	6	430	LUC	526,1	Ông(Bà): Trần Thúc Thao	thôn 5
138	16	6	387	LUC	1113,3	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
139	16	6	314	LUC	274,3	Ông(Bà): Lê Xuân Linh	thôn 5
140	16	6	304	LUC	1014,2	Ông(Bà): Lê Hữu Chính	thôn 5
141	16	6	257	LUC	1589,8	Ông(Bà): Hoàng Đình Vinh	thôn 5
142	16	6	213	LUC	853,2	Ông(Bà): Trần Văn Tuyên	thôn 5
143	16	6	186	LUC	588,9	Ông(Bà): Lê Dẫn	thôn 5
144	16	6	164	LUC	1436,0	Ông(Bà): Trần Viết Hào	thôn 5
145	16	6	156	LUC	572,9	Ông(Bà): Trần Viết Hào	thôn 5
146	16	6	118	LUC	1827,9	Ông(Bà): Nguyễn Tiến Ngoan	thôn 5
147	16	6	106	LUC	1078,0	Ông(Bà): Hoàng Văn Dẫn	thôn 5
148	16	6	89	LUC	714,0	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
149	16	6	52	LUC	390,6	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
150	16	6	802	LUC	654,1	Ông(Bà): Trần Hoàng Tú	thôn 5
151	16	6	685	LUC	430,6	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
152	16	6	617	LUC	592,7	Ông(Bà): Hoàng Văn Dẫn	thôn 5

153	16	6	465	LUC	1787,5	Ông(Bà): Lê Báú	thôn 5
154	16	6	339	LUC	252,7	Ông(Bà): Trần Hoàng	thôn 5
155	16	6	308	LUC	507,6	Ông(Bà): Lê Thị Im	thôn 5
156	16	6	289	LUC	1174,3	Ông(Bà): Trần Hoàng Thê	thôn 5
157	16	6	259	LUC	762,1	Ông(Bà): Trần Tiệp	thôn 5
158	16	6	177	LUC	818,6	Ông(Bà): Lê Hữu Vũ	thôn 5
159	16	6	116	LUC	750,7	Ông(Bà): Hoàng Văn Dẫn	thôn 5
160	16	6	718	LUC	583,1	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
161	16	6	663	LUC	661,0	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
162	16	6	644	LUC	742,0	Ông(Bà): Trần Hoàng Hoan	thôn 5
163	16	6	604	LUC	438,4	Ông(Bà): Lê Thị Lân	thôn 5
164	16	6	586	LUC	816,2	Ông(Bà): Hoàng Công Ngự	thôn 5
165	16	6	585	LUC	623,7	Ông(Bà): Trần Công Huyền	thôn 5
166	16	6	584	LUC	1020,7	Ông(Bà): Trần Thúc Thao	thôn 5
167	16	6	543	LUC	1216,6	Ông(Bà): Hoàng Văn Dẫn	thôn 5
168	16	6	533	LUC	503,9	Ông(Bà): Hoàng Văn Từ	thôn 5
169	16	6	412	LUC	1173,2	Ông(Bà): Nguyễn Tiến Ngoan	thôn 5
170	16	6	393	LUC	1387,9	Ông(Bà): Hoàng Văn Tú	thôn 5
171	16	6	392	LUC	805,4	Ông(Bà): Lê Hữu Trù	thôn 5
172	16	6	355	LUC	1140,6	Ông(Bà): Trần Tiệp	thôn 5
173	16	6	327	LUC	703,4	Ông(Bà): Lê Thi Lung	thôn 5
174	16	6	306	LUC	623,9	Ông(Bà): Nguyễn Thị Hiên	thôn 5
175	16	6	236	LUC	1255,3	Ông(Bà): Nguyễn Tiến Ngoan	thôn 5
176	16	6	209	LUC	1161,7	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
177	16	6	136	LUC	685,8	Ông(Bà): Trần Tiệp	thôn 5
178	16	6	134	LUC	1403,5	Ông(Bà): Trần Văn Tuyên	thôn 5
179	16	6	104	LUC	1724,1	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
180	16	6	827	LUC	1209,7	Ông(Bà): Trần Hoàng Vinh	thôn 5
181	16	6	732	LUC	1189,5	Ông(Bà): Lê Quang Lý	thôn 5
182	16	6	626	LUC	288,1	Ông(Bà): Lê Thị Lân	thôn 5
183	16	6	438	LUC	1182,6	Ông(Bà): Lê Văn ung	thôn 5

184	16	6	417	LUC	880,1	Ông(Bà): Trần Hoàng Ái	thôn 5
185	16	6	361	LUC	694,0	Ông(Bà): Lê Thị Thanh	thôn 5
186	16	6	324	LUC	805,2	Ông(Bà): Trần Thúc Thao	thôn 5
187	16	6	70	LUC	1091,0	Ông(Bà): Trần Viết hào	thôn 5
188	16	6	57	LUC	417,9	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
189	16	6	639	LUC	856,1	Ông(Bà): Lê Thị Im	thôn 5
190	16	6	599	LUC	360,9	Ông(Bà): Trần văn tuyền	thôn 5
191	16	6	483	LUC	267,6	Ông(Bà): Hoàng Bắc	thôn 5
192	16	6	473	LUC	787,0	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
193	16	6	458	LUC	891,3	Ông(Bà): Lê Hữu Trù	thôn 5
194	16	6	410	LUC	1424,4	Ông(Bà): Lê Thị Lân	thôn 5
195	16	6	330	LUC	1344,9	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
196	16	6	315	LUC	348,5	Ông(Bà): Hoàng Đình Vinh	thôn 5
197	16	6	100	LUC	1058,6	Ông(Bà): Trần Văn Tuyên	thôn 5
198	16	6	614	LUC	628,2	Ông(Bà): Lê Văn Dinh	thôn 5
199	16	6	612	LUC	789,5	Ông(Bà): Phan Khoa	thôn 5
200	16	6	527	LUC	999,4	Ông(Bà): Lê Thị Im	thôn 5
201	16	6	443	LUC	857,7	Ông(Bà): Trần Hoàng Hoan	thôn 5
202	16	6	414	LUC	639,6	Ông(Bà): Trần Minh Phu	thôn 5
203	16	6	389	LUC	1209,9	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
204	16	6	385	LUC	863,6	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
205	16	6	326	LUC	1108,0	Ông(Bà): Nguyễn Văn hưng	thôn 5
206	16	6	180	LUC	447,7	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
207	16	6	849	LUC	760,8	Ông(Bà): Nguyễn Văn Thế	thôn 5
208	16	6	813	LUC	253,2	Ông(Bà): Vương Khả Hải	thôn 5
209	16	6	719	LUC	316,0	Ông(Bà): Trần Văn Tuyên	thôn 5
210	16	6	535	LUC	549,7	Ông(Bà): Vương Khả Hải	thôn 5
211	16	6	505	LUC	272,0	Ông(Bà): Hoàng Công Ngự	thôn 5
212	16	6	439	LUC	1261,0	Ông(Bà): Lê Chí Ngọc	thôn 5
213	16	6	432	LUC	542,8	Ông(Bà): Trần Viết Nha	thôn 5
214	16	6	419	LUC	911,6	Ông(Bà): Lê Hữu Đính	thôn 5

215	16	6	325	LUC	657,2	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
216	16	6	234	LUC	541,5	Ông(Bà): Trần Thúc Thao	thôn 5
217	16	6	137	LUC	867,3	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
218	16	6	41	LUC	511,0	Ông(Bà): Trần Hoàng Sy	thôn 5
219	16	6	818	LUC	465,5	Ông(Bà): Trần Văn Kiêu	thôn 5
220	16	6	684	LUC	362,1	Ông(Bà): Hoàng văn Dẫn	thôn 5
221	16	6	682	LUC	620,6	Ông(Bà): Trần Siêm	thôn 5
222	16	6	643	LUC	355,5	Ông(Bà): Lê Thị Im	thôn 5
223	16	6	611	LUC	667,6	Ông(Bà): Trần Văn Tơ	thôn 5
224	16	6	507	LUC	1078,2	Ông(Bà): Lê Hữu Hòa	thôn 5
225	16	6	506	LUC	421,8	Ông(Bà): Trần Hoàng Chung	thôn 5
226	16	6	449	LUC	1180,4	Ông(Bà): Trần Viết Nam	thôn 5
227	16	6	431	LUC	1396,6	Ông(Bà): Trần Viết Hào	thôn 5
228	16	6	358	LUC	767,9	Ông(Bà): Trần Tiệp	thôn 5
229	16	6	353	LUC	777,4	Ông(Bà): Trần Văn Tuyên	thôn 5
230	16	6	312	LUC	748,0	Ông(Bà): Trần Hoàng	thôn 5
231	16	6	261	LUC	1004,9	Ông(Bà): Lê Hữu Hoàng	thôn 5
232	16	6	203	LUC	581,1	Ông(Bà): lê Hữu Ứng	thôn 5
233	16	6	111	LUC	945,3	Ông(Bà): Trần Viết Hào	thôn 5
234	16	6	60	LUC	368,1	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
235	16	6	842	LUC	589,2	Ông(Bà): Lê Văn Hải	thôn 5
236	16	6	613	LUC	567,5	Ông(Bà): Lê Thủy Trúc	thôn 5
237	16	6	598	LUC	455,6	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
238	16	6	575	LUC	423,0	Ông(Bà): Trần Hoàng Hoan	thôn 5
239	16	6	557	LUC	407,2	Ông(Bà): Nguyễn Thừa Biều	thôn 5
240	16	6	529	LUC	591,9	Ông(Bà): Trần Hoàng	thôn 5
241	16	6	281	LUC	619,0	Ông(Bà): Lê Hữu Đỉnh	thôn 5
242	16	6	114	LUC	837,7	Ông(Bà): Trần Viết	thôn 5
243	16	6	846	LUC	258,9	Ông(Bà): Trần Văn Thế	thôn 5
244	16	6	777	LUC	572,4	Ông(Bà): Trần Văn tơ	thôn 5
245	16	6	756	LUC	492,5	Ông(Bà): Trần Tiệp	thôn 5

246	16	6	752	LUC	828,1	Ông(Bà): Lê Quốc Hiệp	thôn 5
247	16	6	748	LUC	436,8	Ông(Bà): Lê Văn Ngàn	thôn 5
248	16	6	624	LUC	845,6	Ông(Bà): Lê Thị Im	thôn 5
249	16	6	623	LUC	542,1	Ông(Bà): Trần Minh Phú	thôn 5
250	16	6	573	LUC	674,5	Ông(Bà): Trần Văn Oánh	thôn 5
251	16	6	499	LUC	1774,7	Ông(Bà): Hoàng Văn Dẫn	thôn 5
252	16	6	460	LUC	1089,0	Ông(Bà): Lê Xuân Linh	thôn 5
253	16	6	205	LUC	455,6	Ông(Bà): Trần Hoàng Sỹ	thôn 5
254	16	6	202	LUC	555,4	Ông(Bà): Lê Hữu Đính	thôn 5
255	16	6	85	LUC	588,1	Ông(Bà): Trần Đình Ninh	thôn 5

